

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/DS-ST
Ngày 10-10-2019
V/v: “Tranh chấp hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Hồng Hải;

Ông Hồ Văn Bún.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 140/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Võ Thị Kim Đ, sinh năm 1988. *Có mặt.*

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981. *Có mặt.*

Cùng cư trú: Ấp A, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

Bà Phạm Thị Thu L, sinh năm 1985. *Có mặt.*

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn H, sinh năm 1983. *Vắng mặt.*

Cùng cư trú: Ấp B, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 8 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Kim Đ và ông Nguyễn Văn T trình bày:

Năm 2017, vợ chồng ông, bà có chơi 02 dây hội tháng 1.000.000đồng do bà Phạm Thị Thu L làm thảo hội. Tên hội viên trong danh sách là BT. Cả hai dây hội đều mở vào ngày 07/3/2017 âm lịch, mỗi tháng khai 01 lần và đều có 27 phần, đến ngày 07/4/2019 âm lịch là mãn hội. Vợ chồng ông, bà đã đóng hội sống đến ngày 07/01/2019 là lần thứ 24 thì ông, bà bỏ thăm và hốt cả hai dây, mỗi dây đều được số tiền là 20.600.000đồng (đã trừ đi tiền hội chết 3 lần còn lại và trừ tiền hoa hồng của chủ hội là 400.000 đồng). Tổng số tiền hội của hai dây là 41.200.000 đồng cộng với số tiền 6.280.000 đồng là tiền hội bà L nợ trước đây nên bà L còn nợ vợ chồng ông, bà là 47.480.000 đồng. Bà L có viết biên nhận nợ và đã trả cho vợ chồng ông, bà số tiền 17.000.000 đồng. Số tiền còn lại bà L cứ hẹn mà không trả. Do bà L tổ chức chơi hội tại nhà, chồng bà L biết và có lần trực tiếp thu tiền hội do bà Đ đóng, việc chơi hội để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên chồng bà L phải cùng chịu trách nhiệm trả nợ hội cho vợ chồng bà Đ, ông T. Do đó vợ chồng bà Đ, ông T yêu cầu bà L và chồng là ông Lê Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông, bà số tiền hội còn thiếu là 30.480.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Tại phiên tòa, bà Đ, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày nêu trên.

Bị đơn bà Phạm Thị Thu L trình bày:

Bà L thừa nhận có làm thảo hội và bà Đ, ông T có tham gia chơi 02 dây hội tháng, hội 1.000.000 đồng như bà Đ và ông T trình bày và còn nợ lại vợ chồng bà Đ, ông T số tiền 30.480.000 đồng. Bà L đồng ý trả cho bà Đ, ông T số tiền còn nợ nhưng do đang khó khăn nên xin cho bà thời gian 06 tháng sau bà sẽ trả đủ một lần cho vợ chồng bà Đ, ông T. Bà L cho rằng các dây này bà L tổ chức chơi thì chồng bà là ông Lê Văn H có biết nhưng không trực tiếp tham gia việc thu tiền hội. Bà L sử dụng tiền huê hồng của các dây hội để lo cho con học hành và phục vụ các nhu cầu thiết yếu trong gia đình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, không thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hội” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Không có đương sự nào đề nghị áp dụng về thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Bà Đ, ông T khởi kiện yêu cầu bà L và ông H liên đới trả cho ông, bà số tiền hui còn nợ là 30.480.000 đồng. Đây là số tiền còn nợ của hai dây hui tháng 1.000.000 đồng mở cùng ngày 07/3/2017 âm lịch đều có 27 phần hui, bà Đ, ông T xuất trình được chứng cứ để chứng minh ông, bà là thành viên của dây hui, đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hui viên là đóng tiền đầy đủ cho thảo hui đến lần thứ 24 thì bỏ thăm và được hốt hui với mỗi dây sau khi trừ tiền hoa hồng cho thảo hui và trừ 03 phần hui chết còn nhận được số tiền 20.600.000 đồng, hai dây là 41.200.000 đồng cộng với số tiền 6.280.000 đồng là tiền hui bà L nợ trước đây nên bà L còn nợ vợ chồng ông, bà là 47.480.000 đồng. Bà L có viết biên nhận nợ và đã trả cho vợ chồng ông, bà số tiền 17.000.000 đồng, nên còn nợ lại số tiền 30.480.000 đồng bà L cứ hẹn mà không trả. Tại phiên hoà giải và tại phiên Tòa, bà L đều thừa nhận số nợ còn thiếu bà Đ, ông T nên đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Ông H vắng mặt không thể hiện ý kiến trước đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà L việc chơi hui có sử dụng tiền hoa hồng của các dây hui để chi tiêu trong cuộc sống gia đình và lo cho con học hành. Nhận thấy việc bà L làm thảo hui đã nhiều năm, ông H với bà L là vợ chồng hợp pháp và đang chung sống cùng nhau nên các giao dịch dân sự do bà L thực hiện nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình thì ông H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả nợ theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Tại phiên tòa, bà L xin 06 tháng sau mới trả số nợ nhưng bà Đ và ông T không đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà L và ông H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho bà Đ, ông T theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại cho bà Đ, ông T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 357, 468 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phùng; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim Đ và ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Phạm Thị Thu L và ông Lê Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Kim Đ và ông Nguyễn Văn T số tiền 30.480.000 đồng (ba mươi triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

Bà Phạm Thị Thu L và ông Lê Văn H phải liên đới chịu 1.524.000đồng (một triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho bà Võ Thị Kim Đ và ông Nguyễn Văn T 762.000đồng (bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 29/8/2019 theo biên lai số 0004580.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

Huỳnh Thị Yến Linh